

BÁO CÁO

Kết quả công tác thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định

Kính gửi:

- Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Tổng cục quản lý đất đai.

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ, MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU CỦA VIỆC KIỂM KÊ ĐẤT ĐAI

1. Căn cứ pháp lý

- Luật Đất đai năm 2013 ngày 29 tháng 11 năm 2013;
- Luật Thống kê ngày 23 tháng 11 năm 2015;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ về Hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;
- Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất;
- Thông tư số 49/2016/TT-BTNMT ngày 28/12/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về công tác giám sát, kiểm tra, thẩm định và nghiệm thu công trình, sản phẩm trong lĩnh vực quản lý đất đai;
- Thực hiện Văn bản 2551/TCQLĐĐ ngày 05/11/2021 của Tổng cục Quản lý đất đai; Công văn số 3238/STNMT-ĐDDK &KTĐ ngày 08/11/2021 của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam về việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021.

2. Mục đích

Thực hiện theo Luật Đất đai năm 2013, Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ TN&MT công tác thống kê đất đai năm 2021 có ý nghĩa đặc biệt quan trọng. Kết quả công tác thống kê đất đai phục vụ các mục đích:

- Đánh giá hiện trạng sử dụng đất và kiểm tra việc thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, làm căn cứ để lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất kỳ tiếp theo; Đề xuất các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý, sử dụng đất.
- Xây dựng tài liệu điều tra cơ bản về tài nguyên đất phục vụ cho việc xác định nhu cầu sử dụng đất đáp ứng cho việc thực hiện quy hoạch phát triển kinh tế, xã hội, an ninh trên địa phương, thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế xã hội.
- Đề xuất việc điều chỉnh chính sách, pháp luật về đất đai.
- Cung cấp số liệu về đất đai trong niên giám thống kê phục vụ nhu cầu sử dụng dữ liệu về đất đai cho quản lý Nhà nước, hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng an ninh, nghiên cứu khoa học, giáo dục đào tạo và các nhu cầu khác của cộng đồng.

3. Yêu cầu

Nhận thức tầm quan trọng của công tác thống kê đất đai năm 2021, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai và hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021.

Công tác thống kê đất đai năm 2021 tuân thủ theo đúng hướng dẫn của Bộ Tài nguyên và Môi trường tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 quy định về thống kê, kiểm kê đất đai và xây dựng bản đồ hiện trạng sử dụng đất. Nội dung thống kê phải đảm bảo phản ánh đầy đủ, trung thực hiện trạng sử dụng đất.

II. ĐẶC ĐIỂM TỰ NHIÊN

1. Vị trí địa lý

Tỉnh Nam Định nằm ở phía Nam vùng đồng bằng sông Hồng, ở tọa độ 19°54' đến 20°40' vĩ độ Bắc và từ 105°55' đến 106°45' kinh độ Đông, phía Bắc giáp với tỉnh Thái Bình, phía Tây giáp tỉnh Ninh Bình, phía Tây Bắc giáp tỉnh Hà Nam, phía Đông giáp biển Đông (Vịnh Bắc Bộ).

Diện tích tự nhiên là 166.882,58 ha, có 10 đơn vị hành chính cấp huyện: gồm 09 huyện và 01 thành phố Nam Định, với 226 đơn vị hành chính cấp xã (188 xã; 16 thị trấn; 22 phường) và ngoài ra còn hai khu vực bãi bồi ven biển thuộc huyện Giao Thủy và huyện Nghĩa Hưng với diện tích 12.125,17 ha (huyện Nghĩa Hưng 5.287,39 ha, huyện Giao Thủy 6.837,78 ha) đã bước đầu khai thác để nuôi trồng thủy sản nhưng chưa ổn định, hiện chưa xác định vào địa giới hành chính cấp xã, UBND tỉnh có Quyết định tạm giao quyền quản lý hành chính cho 17 xã thuộc 02 huyện là Giao Thủy và Nghĩa Hưng.

Nam Định là tỉnh duyên hải với 72 km bờ biển có điều kiện thuận lợi cho chăn nuôi và đánh bắt hải sản. Hệ thống sông gồm 4 sông lớn cấp quốc gia: Sông Hồng, sông Đào, sông Đáy, sông Ninh Cơ chảy qua 251 km và 279 km hệ thống sông địa phương tạo thành một hệ thống giao thông thủy, phân bố đều, thuận tiện cho việc đi lại, vận chuyển hàng hóa.

Nam Định có tuyến đường sắt Bắc - Nam chạy qua và các tuyến đường giao thông huyết mạch của các tỉnh miền duyên hải đồng bằng Bắc Bộ đã được đầu tư nâng cấp đồng bộ kết nối với hệ thống giao thông Quốc gia như đường cao tốc Hà Nội - Ninh Bình qua Nam Định; Đường Nam Định - Phủ Lý; Quốc lộ 21; Quốc lộ 10; Quốc lộ 38B; Quốc lộ 37B, Quốc lộ 21B kéo dài, tuyến đường trục phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Hà Nội - Ninh Bình; tuyến đường ven biển đoạn qua tỉnh Nam Định chạy qua địa phận 3 huyện Nghĩa Hưng, huyện Hải Hậu, huyện Giao Thủy đang trong quá trình GPMB và xây dựng hạ tầng... Ngoài ra còn có nhiều tuyến giao thông quan trọng của tỉnh như tỉnh lộ 489, 490..., Trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội đã hình thành các cụm, khu công nghiệp, các trung tâm dịch vụ thương mại và các khu dân cư bám theo các Quốc lộ, Tỉnh lộ.

Với vị trí địa lý khá thuận lợi đó là điều kiện quan trọng để Nam Định phát triển kinh tế năng động, đa dạng và hoà nhập cùng với các tỉnh bạn.

2. Địa hình

Tỉnh Nam Định có địa hình tương đối bằng phẳng, có 2 vùng chính là vùng đồng bằng thấp trũng và vùng đồng bằng ven biển, ở phía Tây Bắc tỉnh có một số ít đồi núi thấp. Địa hình thấp dần từ Tây Bắc xuống Đông Nam, chỗ cao nhất từ đỉnh núi Gôi cao 122 m, chỗ thấp nhất -03 m (so với mặt biển) ở vùng đồng bằng trũng huyện Ý Yên.

Vùng ven biển có bờ biển dài, địa hình khá bằng phẳng. Nam Định có 3 sông lớn là sông Hồng, sông Đáy, sông Ninh Cơ. Ngoài ra có sông Đào nối liền sông Hồng và sông Đáy cùng với nhiều sông nhỏ khác giúp cho giao thông đường thủy thuận lợi và bồi đắp phù sa, tưới tiêu phục vụ sản xuất nông nghiệp.

3. Về kinh tế - xã hội

Trước tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát lần thứ 4 với những diễn biến phức tạp, khó lường đã đặt ra nhiều thách thức trong việc thực hiện mục tiêu kép “vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế” tỉnh Nam Định. Kết quả tăng trưởng kinh tế năm 2021 cho thấy sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt, linh hoạt, hiệu quả của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, các ngành, địa phương đã triển khai thực hiện nghiêm chỉ đạo của Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ; sự chung sức, đồng lòng của hệ thống chính trị, cộng đồng doanh nghiệp, nhân dân để kiểm soát dịch bệnh và thực hiện các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội năm 2021.

Tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) năm 2021 theo giá so sánh 2010 ước đạt 49.742 tỷ đồng, tăng 7,70% so với năm 2020 và là một trong 11 tỉnh, thành phố có tăng trưởng GRDP cao nhất cả nước. Trong mức tăng chung của nền kinh tế, khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 3,81%, đóng góp 0,79 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; khu vực công nghiệp và xây dựng tăng 12,37%, đóng góp 4,96 điểm phần trăm; khu vực dịch vụ tăng 4,56%, đóng góp 1,65 điểm phần trăm; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm tăng 9,84%, đóng góp 0,3 điểm phần trăm.

- Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản: Năm 2021, ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng khá so với năm trước với vụ lúa xuân được mùa; chăn nuôi và thủy sản phát triển ổn định; các sản phẩm nông nghiệp và thủy sản chủ yếu đều tăng khá. Trong đó, ngành nông nghiệp tăng 3,67% so với năm 2020, đóng góp 0,54 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung; ngành lâm nghiệp tăng 9,39%, đóng góp 0,01 điểm phần trăm; ngành thủy sản tăng 4,12%, đóng góp 0,24 điểm phần trăm.

- Sản xuất công nghiệp và xây dựng: Ngành công nghiệp tiếp tục giữ vai trò động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế tỉnh Nam Định với mức tăng 13,79% so với năm trước, đóng góp 4,02 điểm phần trăm vào mức tăng trưởng chung. Trong đó, công nghiệp chế biến, chế tạo đóng vai trò chủ chốt dẫn dắt tăng trưởng nền kinh tế

với mức tăng 13,90%, đóng góp 3,91 điểm phần trăm; sản xuất và phân phối điện tăng 6,40%, đóng góp 0,03 điểm phần trăm; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 14,38%, đóng góp 0,07 điểm phần trăm; khai khoáng tăng 19,0% nhưng chiếm tỷ trọng thấp nên chỉ đóng góp 0,01 điểm phần trăm. Ngành xây dựng tăng 8,57% so với năm trước, đóng góp 0,94 điểm phần trăm vào mức tăng chung.

- Dịch vụ: Dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động thương mại và dịch vụ trên địa bàn tỉnh. Hệ thống nhà hàng, cơ sở dịch vụ ăn uống tại chỗ, vận tải hành khách gặp nhiều khó khăn do các biện pháp phòng, chống dịch và giãn cách xã hội tại một số địa phương. Đóng góp của một số ngành dịch vụ có tỷ trọng lớn vào giá trị tăng thêm của năm 2021 như sau: Bán buôn và bán lẻ tăng 9,43% so với năm trước, đóng góp 0,68 điểm phần trăm; hoạt động tài chính, ngân hàng và bảo hiểm tăng 9,90%, đóng góp 0,31 điểm phần trăm; ngành vận tải, kho bãi giảm 2,13%, làm giảm 0,08 điểm phần trăm; ngành dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 6,79%, làm giảm 0,10 điểm phần trăm.

- Quy mô, cơ cấu kinh tế: Quy mô GRDP tỉnh Nam Định năm 2021 theo giá hiện hành ước đạt 84.097 tỷ đồng, tăng 7.111 tỷ đồng, tương đương tăng 9,27% so với năm 2020. Về cơ cấu kinh tế: Khu vực nông, lâm nghiệp và thủy sản chiếm 20,80%; khu vực công nghiệp và xây dựng chiếm 41,86%; khu vực dịch vụ chiếm 34,26%; thuế sản phẩm trừ trợ cấp sản phẩm chiếm 3,08% (Cơ cấu tương ứng của năm 2020 là: 22,46%; 39,48%; 34,94%; 3,13%). GRDP bình quân đầu người theo giá hiện hành đạt 45,8 triệu đồng/người, tăng 5,9% so với năm trước (năm 2020 đạt 43,23 triệu đồng/người).

- Tỉnh có thành phố Nam Định (đô thị loại I) là trung tâm chính trị, văn hoá, kinh tế của tỉnh. Tỉnh Nam Định nằm ở trung tâm vùng Nam đồng bằng sông Hồng, có tiềm năng, lợi thế rất lớn chưa được khai thác hết cho đầu tư phát triển sản xuất, kinh doanh, đặc biệt là: Lợi thế về nguồn nhân lực trẻ, dồi dào, được đào tạo cơ bản, có chất lượng cao.

Lĩnh vực văn hoá - xã hội được quan tâm chăm lo, tiếp tục đạt được nhiều thành tích mới.

- Giáo dục đào tạo: Đại dịch Covid-19 đã ảnh hưởng lớn đến ngành giáo dục của cả nước và tỉnh Nam Định. Để thích ứng với tình hình thực tế, ngành Giáo dục tỉnh đã chủ động tham mưu, kịp thời đưa ra các phương án ứng phó; chỉ đạo, hướng dẫn phù hợp để vừa đảm bảo an toàn cho học sinh, giáo viên, vừa thực hiện kế hoạch năm học. Với tinh thần chủ động, sáng tạo, linh hoạt trong tổ chức hoạt động quản lý, dạy - học ứng phó với dịch bệnh, bước đầu của năm học 2021-2022: 100% cơ sở giáo dục đã xây dựng kế hoạch giáo dục thích ứng với tình hình diễn biến của dịch bệnh (cả trực tiếp và trực tuyến); việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý và dạy

học ngày càng hiệu quả; công tác thu, chi đầu năm học cơ bản các đơn vị triển khai theo quy định và hướng dẫn.

- Y tế: Tập trung cao cho công tác chăm sóc sức khỏe, khám chữa bệnh cho nhân dân, nhất là phòng chống dịch bệnh Covid-19. Các bệnh viện, cơ sở y tế đảm bảo đủ cơ số thuốc, vật tư, trang thiết bị, nhân lực, bố trí các kíp trực 24/24 giờ và các đội cấp cứu, chống dịch lưu động sẵn sàng phục vụ cấp cứu và điều trị bệnh cho nhân dân. Thực hiện Kế hoạch Chiến dịch tiêm vắc-xin phòng Covid-19 toàn quốc do Bộ Y tế phát động. Tỉnh Nam Định đã tiếp nhận tổng số 2.144.812 liều vắc - xin phòng Covid-19. Tính đến hết ngày 23/12/2021, toàn tỉnh đã triển khai tiêm 1.946.816 mũi vắc xin cho người trên 18 tuổi; trong đó số tiêm mũi 1 là 1.121.013 (tỷ lệ 88,13%); số tiêm mũi 2 là 825.803 (tỷ lệ 64,92%). Triển khai tiêm 86.276 mũi vắc xin phòng Covid-19 cho trẻ em từ 12-17 tuổi theo kế hoạch. Triển khai thực hiện tốt Kế hoạch số 323/KH-UBND của UBND tỉnh về triển khai công tác bảo đảm an toàn thực phẩm Tết Nguyên đán Nhâm Dần và mùa Lễ hội Xuân 2022.

- Văn hoá, thể thao, du lịch: Các hoạt động văn hóa, thông tin tập trung tuyên truyền các ngày lễ lớn của đất nước, kết quả Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021-2026; công tác phòng, chống dịch Covid-19;... Các hình thức tuyên truyền chủ yếu thông qua hệ thống truyền thông, tuyên truyền lưu động; tuyên truyền cổ động trực quan bằng băng rôn, khẩu hiệu, tranh cổ động, pa nô... được các địa phương, đơn vị triển khai trên các tuyến đường, trung tâm các huyện, thành phố, các xã, phường, thị trấn, cơ quan, đơn vị. Ngày 23/5/2021, hòa trong không khí sôi nổi của cử tri cả nước, gần 1,5 triệu cử tri toàn tỉnh nô nức đi bỏ phiếu bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Cuộc bầu cử đã diễn ra thành công và tuyệt đối an toàn, đúng quy định của pháp luật.

+ Ban Chỉ đạo phòng, chống dịch COVID-19 của tỉnh tổ chức hội nghị trực tuyến với các huyện, thành phố về tăng cường công tác phòng, chống dịch thích ứng, an toàn trong tình hình mới. Thực hiện chỉ đạo của lãnh đạo UBND tỉnh về tăng cường các biện pháp cấp bách phòng, chống dịch trên địa bàn tỉnh Nam Định trong giai đoạn hiện nay, theo đó tiếp tục tạm dừng hoạt động của quán cà phê, giải khát, các hoạt động văn hóa văn nghệ, kinh doanh dịch vụ, du lịch... trên địa bàn tỉnh cho đến khi có thông báo hoạt động trở lại. Do tình hình dịch bệnh Covid-19, nhiều hoạt động thể dục thể thao trên địa bàn tỉnh đã tạm hoãn hoặc dời lịch tổ chức thi đấu để đảm bảo thực hiện tốt công tác phòng, chống dịch.

- Công tác bảo vệ môi trường tiếp tục được các cấp, các ngành đặc biệt quan tâm. Trong thời gian qua có nhiều chương trình tuyên truyền, hành động nhằm nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho các tổ chức và nhân dân sống trên địa bàn góp phần bảo vệ môi trường và nguồn nước sinh sống.

III. QUÁ TRÌNH TRIỂN KHAI VÀ THỰC HIỆN CÔNG TÁC THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021 TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

1. Công tác chỉ đạo thực hiện của UBND các cấp

Thực hiện theo đúng Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 và các văn bản hướng dẫn khác của Bộ Tài nguyên và Môi trường, căn cứ tình hình thực tế về các tài liệu số liệu và bản đồ hiện có, UBND tỉnh đã chỉ đạo Sở Tài nguyên và Môi trường triển khai và hoàn thành công tác thống kê đất đai năm 2021.

Ngày 08/11/2021 Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Nam Định ban hành văn bản 3238/STNMT-ĐDDK &KTĐ gửi UBND các huyện, thành phố về việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định.

UBND các huyện, thành phố chỉ đạo Phòng Tài nguyên và Môi trường phối hợp cùng với Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố và UBND các xã, phường, thị trấn đã triển khai và thực hiện thống kê đất đai định kỳ theo đúng quy định; Văn phòng Đăng ký đất đai tỉnh thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021 cấp tỉnh. Kết quả thống kê đất đai như sau:

2. Công tác chuẩn bị

a) Đối với cấp xã, phường, thị trấn

- Phổ biến, tuyên truyền công tác thống kê đất đai;
- Chuẩn bị nhân lực, vật tư, trang thiết bị kỹ thuật;
- Thu thập, tiếp nhận tài liệu có liên quan để phục vụ công tác thống kê đất đai,

bao gồm:

- Thu thập, tiếp nhận tài liệu có liên quan để phục vụ công tác thống kê đất đai.
- Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai về UBND huyện, tỉnh.

b) Đối với cấp huyện, tỉnh

- Ban hành văn bản chỉ đạo, đôn đốc thực hiện thống kê đất đai định kỳ.
- Thu thập, lựa chọn các tài liệu, số liệu có liên quan phục vụ cho công tác thống kê đất đai.
- Chuẩn bị biểu mẫu phục vụ thống kê.

- Trên cơ sở tài liệu và kết quả thực hiện công tác thống kê đất đai cấp xã, phường, thị trấn, được tổng hợp số liệu sử dụng phần mềm TK Desktop và thực hiện tích hợp vào phần mềm Tk Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>) do cấp xã, thị trấn gửi lên cấp huyện và tỉnh, đối chiếu với tài liệu đã điều tra, lưu trữ để kiểm tra, nghiệm thu và tổng hợp số liệu cấp mình theo các tiêu chí, biểu mẫu quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT. Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai.

- Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai.

3. Phương pháp điều tra, thu thập số liệu thống kê đất đai

a) Nguồn tài liệu.

Nguồn tài liệu về bản đồ để phục vụ công tác thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định gồm các loại bản đồ sau:

- Tài liệu bản đồ: Bản đồ địa chính; Hồ sơ địa giới hành chính theo Chỉ thị 364/CT-TTg và theo Quyết định 513/QĐ-TTg;
- Hồ sơ địa chính: Sổ mục kê, sổ địa chính, sổ cấp giấy chứng nhận, sổ theo dõi biến động, sổ đăng ký ruộng đất; Bản đồ địa chính đo đạc mới nhất, bản đồ đo đạc sau dồn điền đổi thửa hoặc bản đồ địa chính đã được chỉnh lý;
- Kết quả kiểm kê đất đai, lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2019; Kết quả thống kê đất đai năm 2020; Bảng tổng hợp các trường hợp biến động trong kỳ thống kê do Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai các huyện, thành phố cung cấp;
- Hồ sơ dồn điền đổi thửa và chuyển cơ cấu trong sản xuất nông nghiệp;
- Các quyết định đấu giá giao đất cho nhân dân làm nhà ở từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 của các xã, thị trấn;
- Hồ sơ, số liệu, tài liệu về giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã thực hiện; hồ sơ thanh tra, kiểm tra về quản lý và sử dụng đất đai; các quyết định xử phạt vi phạm hành chính về đất đai trên địa bàn huyện năm 2021;
- Các mảnh trích đo địa chính, bản đồ phục vụ công tác thu hồi và giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất kèm theo các quyết định phê duyệt;
- Hồ sơ kế hoạch sử dụng đất, hồ sơ thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021;
- Kết quả cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính;
- Các Quyết định, văn bản và tài liệu liên quan tới quá trình sử dụng đất tại địa phương.

b) Đánh giá mức độ chính xác của tài liệu

Công tác thống kê đất đai được thực hiện dựa trên cơ sở số liệu và tài liệu sử dụng đã được các cơ quan nhà nước kiểm tra, nghiệm thu, phê duyệt nên số liệu tương đối đầy đủ, chi tiết và có tính pháp lý cao đảm bảo độ tin cậy làm cơ sở cho việc thực hiện thống kê đất đai năm 2021.

4. Tổ chức thực hiện thống kê đất đai trên địa bàn tỉnh Nam Định

a) Cấp xã, thị trấn

Rà soát thực tế các trường hợp đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất đã đăng ký biến động đất đai trên cơ sở điều tra khoanh vẽ, chỉnh lý bản đồ khoanh đất đối với các trường hợp biến động về loại đất, loại đối tượng sử dụng đất, đối tượng quản lý đất trong năm 2021 theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT.

Số liệu thống kê đất đai năm 2021 của cấp xã, thị trấn được tổng hợp từ bản đồ thống kê đất đai đã được cập nhật chỉnh lý biến động năm 2021, bảng liệt kê danh sách các khoanh đất thống kê, kiểm kê đất đai và bảng tổng hợp các trường hợp biến động đất đai trong năm đã được rà soát thực tế, xác nhận. Sử dụng phần mềm TK Desktop của Bộ Tài nguyên và Môi Trường để tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp xã gồm:

- Biểu số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp xã, lập các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 05/TKĐĐ và 05a/TKĐĐ;

- Biểu phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ và 14/TKĐĐ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai.

Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp xã về cấp huyện.

b) Cấp huyện, cấp tỉnh

Tiếp nhận, kiểm tra thẩm định kết quả thống kê đất đai của cấp xã giao nộp: Kiểm tra thẩm định kết quả thống kê đất đai cấp xã. Chỉ đạo cấp xã chỉnh sửa, hoàn thiện số liệu, báo cáo kết quả thống kê đất đai, tiếp nhận hồ sơ thống kê đất đai của cấp xã giao nộp.

Tổng hợp số liệu thống kê diện tích đất đai: Tiếp nhận số liệu thống kê đất đai cấp xã, thị trấn, được tổng hợp số liệu sử dụng phần mềm TK Desktop và thực hiện tích hợp vào phần mềm Tk Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>) do cấp xã, thị trấn gửi lên cấp huyện, Phòng tài nguyên và Môi trường đối chiếu với tài liệu lưu trữ tại cấp mình để kiểm tra và tổng hợp số liệu thống kê đất đai cấp huyện, bao gồm:

- Tổng hợp số liệu thống kê hiện trạng sử dụng đất cấp huyện, cấp tỉnh gồm các Biểu: 01/TKĐĐ, 02/TKĐĐ, 03/TKĐĐ, 04/TKĐĐ; 05/TKĐĐ và 11/TKĐĐ;

- Phân tích số liệu thống kê, đánh giá hiện trạng sử dụng đất và tình hình biến động đất đai của địa phương, lập các Biểu: 12/TKĐĐ, 13/TKĐĐ, 14/TKĐĐ và 15/TKĐĐ;

- Xây dựng báo cáo kết quả thống kê đất đai cấp huyện, cấp tỉnh;

Kiểm tra, hoàn thiện, trình duyệt, in sao và giao nộp báo cáo kết quả thống kê đất đai của địa phương lên cơ quan cấp trên trực tiếp theo quy định tại Thông tư 27/2018/TT-BTNMT.

c) Phương pháp tổng hợp số liệu

Việc tổng hợp số liệu các cấp được tổng hợp bằng phần mềm TK Desktop và TK Online (<http://tkonline.gdla.gov.vn>) đúng theo quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

5. Những thuận lợi, khó khăn khi thực hiện

a) Thuận lợi.

- Công tác thống kê đất đai là nhiệm vụ quan trọng của ngành tài nguyên môi trường, liên quan rất nhiều lĩnh vực trong công tác quản lý Nhà nước. Vì vậy, các cấp Ủy, Đảng, chính quyền từ cấp huyện đến cấp xã luôn quan tâm, chỉ đạo sát sao đối với việc thực hiện công tác thống kê đất đai năm 2021.

- Sự phối hợp chỉ đạo giữa các Ban, các Ngành tương đối chặt chẽ, đồng bộ.

- Tài liệu, số liệu phục vụ cho công tác thống kê đất đai được thu thập, tổng hợp cơ bản đầy đủ theo quy định.

- Sự hỗ trợ của phần mềm TK Desktop, TK Online giúp cho tổng hợp số liệu thống kê đất đai dễ dàng và nhanh chóng.

b) Khó khăn

- Còn 69 xã, thị trấn còn sử dụng bản đồ đo đạc thủ công từ trước năm 1980 chỉnh lý năm 1981-1983 và đo đạc năm 1983 chỉnh lý năm 1987 trong quá trình sử dụng hệ thống bản đồ đã qua nhiều lần chỉnh lý; in lại bằng phương pháp in lam, in Ozalit có sai số lớn; những biến động do dồn điền đổi thửa, qua các lần kiểm kê đất đai lại không biên tập lại bản đồ hiện trạng nên chất lượng bản đồ không đảm bảo, bản đồ photo mờ, nhiều nét chỉnh lý chùng chéo, không rõ. Do vậy trong quá trình thực hiện công tác điều tra khoanh vẽ, thống kê tính toán diện tích gặp nhiều khó khăn; hồ sơ địa chính chưa được cập nhật biến động thường xuyên, đầy đủ; một số khu vực biến động lớn, nhanh chóng dẫn đến tình trạng lạc hậu hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính.

- Một số đổi mới theo Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT ngày 14/12/2018 của Bộ Tài nguyên và Môi trường nên cán bộ thực hiện thống kê lúng túng trong việc thực hiện.

- Phần mềm TK Desktop, TK Online vẫn chưa thực sự hoàn thiện và đáp ứng đầy đủ cho công tác tổng hợp số liệu thống kê đất đai. Việc cập nhật, sửa lỗi còn chậm, chưa kịp thời dẫn đến ảnh hưởng tiến độ thực hiện thống kê đất đai.

- Thời gian triển khai, hoàn thiện công tác thống kê đất đai năm 2021 còn chậm do ảnh hưởng đại dịch Covid-19.

IV. KẾT QUẢ THỐNG KÊ ĐẤT ĐAI NĂM 2021

1. Phân tích, đánh giá hiện trạng sử dụng đất

1.1. Phân tích hiện trạng sử dụng đất

Tính đến ngày 31/12/2021 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 166.882,58 ha. Cụ thể như sau:

1.1.1. Nhóm đất nông nghiệp: (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 02/TKĐĐ và Biểu 13/TKĐĐ).

Diện tích đất nông nghiệp: 111.194,08 ha, chiếm 66,63% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- a) Đất sản xuất nông nghiệp 89.288,15 ha, chiếm 53,50%.
 - Đất trồng cây hàng năm 80.827,43 ha, chiếm 48,43%.
 - + Đất trồng lúa 74.005,50 ha, chiếm 44,34%.
 - + Đất trồng cây hàng năm khác 6.821,93 ha, chiếm 4,09%.
 - Đất trồng cây lâu năm 8.460,72 ha, chiếm 5,07%.
- b) Đất lâm nghiệp 3.059,29 ha, chiếm 1,84%.
 - Đất rừng phòng hộ 1.978,41 ha, chiếm 1,19%
 - Đất rừng đặc dụng 1.080,88 ha, chiếm 0,65%
- c) Đất nuôi trồng thủy sản 17.260,14 ha, chiếm 10,34%.
- d) Đất làm muối 661,05 ha, chiếm 0,40%.
- đ) Đất nông nghiệp khác 925,45 ha, chiếm 0,55%.

1.1.2. Nhóm đất phi nông nghiệp: (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 03/KĐĐ và Biểu 13/TKĐĐ)

Diện tích đất phi nông nghiệp: 52.323,56 ha, chiếm 31,35 % so với tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- a) Đất ở 11.516,65 ha, chiếm 6,90%.
 - Đất ở tại nông thôn 9.873,86 ha, chiếm 5,92%.
 - Đất ở tại đô thị 1.642,79 ha, chiếm 0,98%.
- b) Đất chuyên dùng 31.389,15 ha, chiếm 18,81%.
 - Đất xây dựng trụ sở cơ quan: 204,00 ha, chiếm 0,12%.
 - Đất quốc phòng: 148,33 ha, chiếm 0,09%.
 - Đất an ninh: 45,52 ha, chiếm 0,03%.
 - Đất xây dựng công trình sự nghiệp: 1.003,56 ha, chiếm 0,60%.
 - Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3.709,38 ha, chiếm 2,22%.
 - Đất có mục đích công cộng 26.278,36 ha, chiếm 15,75%.
- c) Đất cơ sở tôn giáo: 668,73 ha, chiếm 0,40%.
- d) Đất cơ sở tín ngưỡng: 282,31 ha, chiếm 0,17%.
- đ) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng: 2.028,99 ha, chiếm 1,22%.
- e) Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: 5.348,14 ha, chiếm 3,20%.
- g) Đất có mặt nước chuyên dùng: 983,60 ha, chiếm 0,59%.
- h) Đất phi nông nghiệp khác: 106,13 ha, chiếm 0,06%.

1.1.3. Nhóm đất chưa sử dụng: (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 13/TKĐĐ)

Diện tích đất chưa sử dụng: 3.364,94 ha, chiếm 2,02% so với tổng diện tích đất tự nhiên. Trong đó:

- a) Đất bằng chưa sử dụng: 3.315,44 ha, chiếm 1,98%.
- b) Đất đồi núi chưa sử dụng: 43,86 ha, chiếm 0,03%.

c) Núi đá không có rừng cây: 5,64 ha, chiếm 0,01%.

1.1.4. Nhóm đất có mặt nước ven biển (quan sát): (Chi tiết như Biểu 01/TKĐĐ, Biểu 13/TKĐĐ)

Diện tích đất có mặt nước ven biển (quan sát): 3.642,83 ha.

Đất mặt nước ven biển có mục đích khác: 3.642,83 ha.

1.2. Đối tượng được giao để sử dụng và đối tượng được giao đất quản lý

1.2.1. Nhóm đối tượng được giao đất để sử dụng

Diện tích đất thống kê theo nhóm đối tượng được giao đất để sử dụng: 128.803,07 ha, chiếm 77,19% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- Hộ gia đình, cá nhân trong nước sử dụng: 104.322,58 ha, chiếm 62,51% (trong đó đất nông nghiệp: 92.750,31 ha, đất phi nông nghiệp: 11.572,27 ha).

- Tổ chức kinh tế sử dụng: 5.204,83 ha, chiếm 3,12 % (trong đó đất nông nghiệp: 1.296,10 ha, đất phi nông nghiệp: 3.908,73 ha).

- Cơ quan đơn vị của nhà nước sử dụng: 16.822,94 ha, chiếm 10,08 % (trong đó đất nông nghiệp: 13.912,41 ha, đất phi nông nghiệp: 2.910,53 ha).

- Tổ chức sự nghiệp công lập sử dụng: 1.003,85 ha, chiếm 0,60 % (trong đó đất nông nghiệp: 16,79 ha, đất phi nông nghiệp: 987,06 ha).

- Tổ chức khác sử dụng: 2,65 ha, chiếm 0,01 % (trong đó đất phi nông nghiệp: 2,65 ha).

- Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài sử dụng: 113,47 ha, chiếm 0,07% (trong đó đất nông nghiệp: 3,90 ha, đất phi nông nghiệp: 109,57 ha).

- Cộng đồng dân cư và cơ sở tôn giáo sử dụng: 1.332,75 ha, chiếm 0,80% (trong đó đất nông nghiệp: 155,28 ha, đất phi nông nghiệp: 1.177,47 ha).

1.2.2. Nhóm đối tượng được giao quản lý

Diện tích đất thống kê theo nhóm đối tượng được giao để quản lý: 38.079,51 ha, chiếm 22,81% so với tổng diện tích tự nhiên. Trong đó:

- UBND cấp xã quản lý: 23.669,07 ha, chiếm 14,17 % (trong đó đất phi nông nghiệp: 20.496,27 ha, đất chưa sử dụng: 3.172,80 ha).

- Tổ chức phát triển quỹ đất: 10,58 ha, chiếm 0,01 % (trong đó đất phi nông nghiệp: 9,18 ha, đất chưa sử dụng: 1,40 ha).

- Cộng đồng dân cư và tổ chức khác quản lý: 14.399,86 ha, chiếm 8,63% (trong đó đất nông nghiệp: 3.059,29 ha, đất phi nông nghiệp: 11.149,83 ha, đất chưa sử dụng: 190,74 ha).

1.3. Đánh giá chung hiện trạng sử dụng đất

a) Đất nông nghiệp: Nguồn gốc là một tỉnh nông nghiệp nên cho đến nay việc sử dụng đất đai khá ổn định và ngày càng cho hiệu quả kinh tế cao, tỷ trọng đất nông nghiệp 66,63%, vẫn chiếm phần lớn trong tổng diện tích tự nhiên.

- Trong cơ cấu đất nông nghiệp thì diện tích đất trồng lúa nước chiếm tỷ lệ cao. Song quá trình canh tác phần lớn người nông dân chưa áp dụng những biện pháp cải tạo đất mà chỉ quan tâm đến lợi nhuận, việc hình thành các mô hình phát triển vùng chuyên canh, các cánh đồng mẫu lớn... chưa thực sự phát triển mạnh.

- Hiện trạng diện tích đất lâm nghiệp theo số liệu thống kê đất đai năm 2021 là 3.059,29 ha, so với số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 giảm 3,52 ha (do thu hồi GPMB thực hiện dự án xây dựng đường hầm và các công trình chiến đấu khu vực phòng thủ tỉnh Nam Định tại núi Tiên Hương, xã Kim Thái, huyện Vụ Bản đã chỉnh lý biến động trong năm thống kê đất đai 2020); so với diện tích đất rừng theo Quyết định số 427/QĐ-UBND ngày 28/2/2022 của UBND tỉnh về việc phê duyệt số liệu hiện trạng đất rừng tỉnh Nam Định năm 2021 (bao gồm diện tích rừng trồng thành rừng và diện tích trồng chưa đạt tiêu chí thành rừng) là 3.091,62 ha (Chênh lệch 32,33 ha). Sở Tài nguyên và Môi trường đã làm việc với Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp & PTNN để rà soát, xác định nguyên nhân, vị trí chênh lệch diện tích, nguyên nhân chênh lệch diện tích chủ yếu do có sự khác nhau về tiêu chí xác định loại đất rừng của ngành Nông nghiệp và loại đất lâm nghiệp theo quy định tại Thông tư số 27/2018/TT-BTNMT, cụ thể:

+ Việc thống kê đất đai theo mục đích sử dụng đất, các biến động được cập nhật, chỉnh lý khi có các căn cứ pháp lý;

+ Việc tổng hợp diện tích đất rừng do ngành Nông nghiệp thực hiện trên cơ sở tổng hợp diện tích đất theo nếu hiện trạng đã được trồng thành rừng thì ghi nhận là đất rừng, đất lâm nghiệp mà chưa trồng thành rừng thì ghi nhận là đất trống không có rừng và bổ sung các vị trí trồng rừng mới.

(Chi tiết sự chênh lệch diện tích giữa Quyết định 427/QĐ-UBND và số liệu thống kê đất đai năm 2021, Sở Tài nguyên và Môi trường đã có báo cáo gửi UBND tỉnh và Sở Nông nghiệp & PTNT có phụ lục kèm theo).

b) Đất phi nông nghiệp: Chiếm 31,35% cũng đã dần đáp ứng được nhu cầu sử dụng về cơ sở hạ tầng phục vụ đời sống và phát triển kinh tế xã hội của địa phương. Trong thời gian tới cùng với sự gia tăng dân số, việc phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa một số hạng mục công trình.

c) Đất chưa sử dụng: Chiếm 2,02% chủ yếu là đất núi đá không có rừng cây, đồi núi không thể cải tạo, đất bãi bồi ven biển, đất bãi dọc theo ven sông không thể đưa vào canh tác và đất đã thực hiện thu hồi GPMB thực hiện đầu tư xây dựng các dự án, công trình để phát triển kinh tế xã hội, nhưng chưa có quyết định giao để thực hiện dự án.

2. Đánh giá tình hình biến động đất đai và nguyên nhân biến động (Chi tiết như Biểu 12/TKDD và Biểu 14/TKDD)

Tính đến ngày 31/12/2021 tổng diện tích tự nhiên của tỉnh là 166.882,58 ha. Không biến động so với thống kê năm 2020. Cụ thể như sau:

2.1. Biến động diện tích theo loại đất

2.1.1. Biến động về đất nông nghiệp

Đất nông nghiệp đến 31/12/2021 là 111.194,08 ha giảm 473,99 ha so với thống kê năm 2020. Cụ thể:

a) Đất trồng lúa: Đến ngày 31/12/2021 là 74.005,50 ha giảm so với thống kê năm 2020 là 383,28 ha. Cụ thể:

- Biến động giảm 383,84 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,45 ha.(Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất để xử lý phương án theo hướng dẫn 1456);

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 13,48 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,53 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,19 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Hải Anh, xây dựng trụ sở làm việc Chi cục thuế khu vực Ý Yên - Vụ Bản tại thị trấn Lâm);

+ Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,50 ha.(Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để xây dựng mới trạm y tế xã Yên Phương, mở rộng trường THPT Nguyễn Bính tại xã Hiến Khánh);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 232,66 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 20,58 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bồi Xuyên kéo dài...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất phi nông nghiệp khác 0,75 ha (Là hành lang điện khi thực hiện các Quyết định chuyển mục đích, giao đất, thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 112,70 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua

tỉnh Nam Định, mở rộng cụm CN Đồng Côi tại thị trấn Nam Giang...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 0,56 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Tăng khác 0,56 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020. Cụ thể:

Tăng khác 0,04 ha nguyên nhân do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất sang đất ở đấu giá nhưng không có Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam tại xã Yên Lương,

Tăng khác 0,52 ha nguyên nhân do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của công ty CP TM Minh Hương, chỉnh lý cả phần đất lúa của hộ gia đình cá nhân vào phần đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Yên Trị.

b) Đất trồng cây hàng năm khác: Đến ngày 31/12/2021 là 6.821,93 ha giảm 11,58 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 11,61 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 0,03 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,17 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,32 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 3,43 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 1,44 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trực phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bồi Xuyên kéo dài...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,05 ha (Thực hiện công nhận QSD đất cho Giáo họ Phúc Đông tại thị trấn Rạng Đông);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 2,13 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh

Nam Định, mở rộng cụm CN Đồng Côi tại thị trấn Nam Giang...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 0,03 ha do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Đất nuôi trồng thủy sản 0,03 ha.

c) Đất trồng cây lâu năm: Đến ngày 31/12/2021 là 8.460,72 ha, giảm 22,66 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 26,24 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 17,92 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 2,85 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,75 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 1,20 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trục phát triển nội vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bồi Xuyên kéo dài...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 3,52 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 3,58 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Đất trồng lúa 0,45 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất để xử lý phương án theo hướng dẫn 1456;

+ Đất trồng cây hàng năm khác 0,03 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất;

+ Đất nuôi trồng thủy sản 3,10 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất.

d) Đất rừng phòng hộ: Đến ngày 31/12/2021 là 1.978,41 Không biến động so với thống kê năm 2020.

đ) Đất rừng đặc dụng: Đến ngày 31/12/2021 là 1.080,88 ha . Không biến động so với thống kê năm 2020.

e) Đất nuôi trồng thủy sản: Đến ngày 31/12/2021 là 17.260,14 ha, giảm 54,24 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 54,79 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác 0,03 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất trồng cây lâu năm 3,10 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 10,36 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 1,04 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 9,02 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 3,87 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bồi Xuyên kéo dài...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất cơ sở tôn giáo 0,28 ha (Thực hiện công nhận QSD đất cho Giáo họ Phúc Đông tại thị trấn Rạng Đông);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 27,09 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 0,55 ha. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Tăng khác 0,55 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020. Cụ thể do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp của hộ kinh doanh Vũ Đình Hải, chỉnh lý cả phần đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình cá nhân vào phần đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp tại xã Yên Trị.

g) Đất làm muối: Đến ngày 31/12/2021 là 661,05 ha, giảm 1,98 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,21 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,21 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 1,56 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

h) Đất nông nghiệp khác: Đến ngày 31/12/2021 là 925,45 ha, giảm 0,25 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,05 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,03 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bối Xuyên kéo dài...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,17 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

2.1.2. Biến động về đất phi nông nghiệp

Đất nông nghiệp đến 31/12/2021 là 52.323,56 ha tăng 285,42 ha so với thống kê năm 2020. Cụ thể:

a) Đất ở tại nông thôn: Đến ngày 31/12/2021 là 9.873,86 ha, tăng 45,62 ha so với số liệu thống kê năm 2020.

- Biến động giảm 4,07 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,08 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 1,09 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bối Xuyên kéo dài...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ

khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 2,86 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định... nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

+ Giảm khác 0,04 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020. Cụ thể do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất sang đất ở đấu giá nhưng không có Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định tại xã Yên Lương,

- Biến động tăng 49,69 ha, nguyên nhân do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 13,48 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 2,17 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 17,92 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 10,36 ha;
- + Chuyển từ đất làm muối 0,21 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 0,05 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,38 ha;
- + Chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,19 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 1,28 ha;
- + Chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,02 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,57 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,50 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 2,56 ha.

b) Đất ở tại đô thị: Đến ngày 31/12/2021 là 1.642,79 ha, tăng 4,76 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 0,40 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,31 ha (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,09 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 5,16 ha, nguyên nhân do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 0,53 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,32 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 2,85 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 1,04 ha;
- + Chuyển từ đất làm muối 0,21 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,13 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,05 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,02 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 0,01 ha.

c) Đất xây dựng trụ sở cơ quan: Đến ngày 31/12/2021 là 204,00 ha, tăng 2,19 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất xây dựng trụ sở HĐND-UBND xã Hải Anh, xây dựng trụ sở làm việc Chi cục thuế khu vực Ý Yên - Vụ Bản tại thị trấn Lâm. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 2,19 ha;

d) Đất quốc phòng: Đến ngày 31/12/2021 là 148,33 ha, giảm 0,09 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,09 ha (Do GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

đ) Đất an ninh: Đến ngày 31/12/2021 là 45,52 ha. Không biến động so với thống kê năm 2020.

e) Đất xây dựng công trình sự nghiệp: Đến ngày 31/12/2021 là 1.003,56 ha, tăng 2,67 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 0,80 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,38 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,13 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,28 ha (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,01 ha (Do GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án);

- Biến động tăng 3,47 ha, do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để xây dựng mới trạm y tế xã Yên Phương, mở rộng trường THPT Nguyễn Bính tại xã Hiền Khánh, xây dựng khu thể thao trung tâm huyện Nam Trực tại xã Nam Dương. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất trồng lúa 0,50 ha;

+ Chuyển từ đất có mục đích công cộng 0,22 ha;

+ Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 2,75 ha.

g) Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp: Đến ngày 31/12/2021 là 3.709,38 ha, tăng 272,49 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 3,13 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,19 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,12 ha (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất phi nông nghiệp khác 0,18 ha (Là hành lang điện khi thực hiện các Quyết định chuyển mục đích, giao đất, thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,52 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định, tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B ...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án);

+ Giảm khác 2,12 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020. Cụ thể:

Giảm khác 0,68 ha, nguyên nhân do xác định nhầm loại đất bãi đỗ xe là đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thống kê 2021 xác định lại loại là đất giao thông phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của các kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020 tại xã Mỹ Thắng.

Giảm khác 1,44 ha nguyên nhân do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất của công ty CP TM Minh Hương, hộ kinh doanh Vũ Đình Hải, Nguyễn Văn Hường chỉnh lý cả phần đất hành lang đường, đê và phần đất lúa, đất nuôi trồng thủy sản của hộ gia đình cá nhân vào đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, tại xã Yên Trị.

- Biến động tăng 275,62 ha. Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất và giao đất, như cơ sở sản xuất kinh doanh dịch vụ thiết bị điện tử, phụ tùng xe đạp xe máy và các sản phẩm cơ khí của Công ty cổ phần Tân Phát Trường Sơn, xây dựng cơ sở sản xuất kinh doanh VLXD và cấu kiện bê tông của Công ty CP sản xuất TMDV Sen Xanh tại xã Đại An; xây dựng cơ sở sản xuất gạch không nung của Doanh nghiệp tư nhân Cường Dũng tại xã Yên Phương;... của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 232,66 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 3,43 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 0,75 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 9,02 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 0,08 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 26,05 ha;
- + Chuyển từ đất cơ sở tín ngưỡng 0,02 ha;
- + Chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,87 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 2,72 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 0,02 ha.

h) Đất có mục đích công cộng: Đến ngày 31/12/2021 là 26.278,36 ha, giảm 30,58 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 66,75 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:
 - + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 1,28 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);
 - + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,05 ha (Do thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);
 - + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,22 ha (Do thực hiện các Quyết định thu hồi đất, giao đất để xây dựng mới trạm y tế xã Yên Phương, mở rộng trường THPT Nguyễn Bính tại xã Hiền Khánh, xây dựng khu thể thao trung tâm huyện Nam Trực tại xã Nam Dương);
 - + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 26,05 ha Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);
 - + Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 39,15 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển

qua tỉnh Nam Định, tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án);

- Biến động tăng 36,17 ha. Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trực phát triển nối vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bồi Xuyên kéo dài, cải tạo nâng cấp đường tỉnh 487B...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 20,58 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 1,44 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 1,20 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 3,87 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 0,03 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 1,09 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 0,31 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,28 ha;
- + Chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,12 ha;
- + Chuyển từ đất cơ sở tôn giáo 0,18 ha;
- + Chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,02 ha;
- + Chuyển từ đất sông ngòi, kênh, rạch, suối 0,03 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 0,95 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 1,14 ha;
- + Chuyển từ đất bằng chưa sử dụng 3,88 ha;

+ Tăng khác 1,05 ha, nguyên nhân do xác định lại loại đất, diện tích thực hiện theo quy định của Thông tư 27/2018/TT-BTNMT để phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020. Cụ thể:

Tăng khác 0,68 ha, nguyên nhân do xác định nhầm loại đất bãi đỗ xe là đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, thống kê 2021 xác định lại loại là đất giao thông phản ánh đúng thực tế hiện trạng sử dụng đất để sửa chữa nhầm lẫn của các kỳ kiểm kê năm 2019, thống kê năm 2020 tại xã Mỹ Thắng.

Tăng khác 0,37 ha nguyên nhân do nhầm lẫn trong việc chỉnh lý khoanh đất của công ty CP TM Minh Hương, hộ kinh doanh Vũ Đình Hải, Nguyễn Văn Hương chỉnh lý cả phần đất hành lang đường, đê vào đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp, tại xã Yên Trị.

k) Đất cơ sở tôn giáo: Đến ngày 31/12/2021 là 668,73 ha, tăng 0,15 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 0,18 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:
 + Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,18 ha (Là hành lang đường khi thực hiện công nhận QSD đất cho Giáo họ Phúc Đông tại thị trấn Rạng Đông).

- Biến động tăng 0,33 ha. Do thực hiện công nhận QSD đất cho Giáo họ Phúc Đông tại thị trấn Rạng Đông. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 0,05 ha;

+ Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 0,28 ha.

l) Đất cơ sở tín ngưỡng: Đến ngày 31/12/2021 là 282,31 ha, giảm 0,02 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,02 ha (Do thực hiện GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng khu CN Mỹ Thuận);

m) Đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Đến ngày 31/12/2021 là 2.028,99 ha, giảm 1,18 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,02 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,87 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,02 ha (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,27 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định... nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

n) Đất sông ngòi, kênh rạch: Đến ngày 31/12/2021 là 5.348,14 ha, giảm 0,03 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,03 ha. (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

o) Đất có mặt nước chuyên dùng: Đến ngày 31/12/2021 là 983,46 ha, giảm 9,59 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,57 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,02 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 2,72 ha (Do thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất của các công ty, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; GPMB thu hồi đất đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng cụm CN Yên Bằng, cụm CN Thanh Côi, khu CN Mỹ Thuận);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 0,95 ha (Do thực hiện thu hồi đất xây dựng tuyến đường trục phát triển nổi vùng kinh tế biển tỉnh Nam Định với đường cao tốc Cầu Giẽ - Ninh Bình, tuyến đường Khả Chính - Bối Xuyên kéo dài, cải tạo nâng cấp đường tỉnh 487B...; Đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 5,33 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định... nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

p) Đất phi nông nghiệp khác: Đến ngày 31/12/2021 là 106,13 ha, giảm 0,97 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 1,90 ha. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

+ Chuyển sang đất ở tại nông thôn 0,50 ha (Do thực hiện xây dựng các khu dân cư tập trung; thực hiện các Quyết định phê duyệt kết quả đấu giá quyền sử dụng đất cho nhân dân làm nhà ở của UBND tỉnh Nam Định);

+ Chuyển sang đất có mục đích công cộng 1,14 ha (Là đất giao thông, thủy lợi trong quá trình thực hiện xây dựng mới các công trình hạ tầng phục vụ khu đấu giá đất ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất để phát triển kinh tế xã hội);

+ Chuyển sang đất bằng chưa sử dụng 0,26 ha (Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định... nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án).

- Biến động tăng 0,93 ha. Là hành lang điện khi thực hiện các Quyết định chuyển mục đích, giao đất, thuê đất để phát triển kinh tế xã hội. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

+ Chuyển từ đất trồng lúa 0,75 ha.

+ Chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,18 ha.

2.1.3. Biến động đất chưa sử dụng

Đất chưa sử dụng đến 31/12/2021 là 3.364,94 ha tăng 188,57 ha so với thống kê năm 2020. Cụ thể:

a) Đất bằng chưa sử dụng: Đến ngày 31/12/2021 là 3.315,44 ha, tăng 188,57 ha so với số liệu thống kê năm 2020. Cụ thể:

- Biến động giảm 9,22 ha. Nguyên nhân do thực hiện đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở; thu hồi để giải phóng mặt bằng, thực hiện các Quyết định chuyển mục đích, Quyết định cho thuê và giao đất để phát triển kinh tế xã hội, và xây dựng cơ sở hạ tầng đầu tư các dự án, công trình phục vụ phát triển xây dựng kinh tế xã hội. Cụ thể chuyển sang các loại đất sau:

- + Chuyển sang đất ở tại nông thôn 2,56 ha;
- + Chuyển sang đất ở tại đô thị 0,01 ha;
- + Chuyển sang đất xây dựng công trình sự nghiệp 2,75 ha;
- + Chuyển sang đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,02 ha;
- + Chuyển sang đất có mục đích công cộng 3,88 ha.

- Biến động tăng 197,79 ha. Do GPMB thu hồi đất xây dựng khu dân cư tập trung tại các xã và đầu tư xây dựng tuyến đường bộ ven biển qua tỉnh Nam Định, tuyến đường nối đê tả Đáy với đường 57B, mở rộng cụm CN Đồng Côi...nhưng chưa có Quyết định giao đất thực hiện dự án. Cụ thể chuyển từ các loại đất sau:

- + Chuyển từ đất trồng lúa 112,70 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây hàng năm khác 4,17 ha;
- + Chuyển từ đất trồng cây lâu năm 3,52 ha;
- + Chuyển từ đất nuôi trồng thủy sản 27,09 ha;
- + Chuyển từ đất làm muối 1,56 ha;
- + Chuyển từ đất nông nghiệp khác 0,17 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại nông thôn 2,86 ha;
- + Chuyển từ đất ở tại đô thị 0,09 ha;
- + Chuyển từ đất quốc phòng 0,09 ha;
- + Chuyển từ đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,01 ha;
- + Chuyển từ đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp 0,52 ha;
- + Chuyển từ đất có mục đích công cộng 39,15 ha;
- + Chuyển từ đất nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT 0,27 ha;
- + Chuyển từ đất có mặt nước chuyên dùng 5,33 ha;
- + Chuyển từ đất phi nông nghiệp khác 0,26 ha.

b) Đất đồi núi chưa sử dụng: Đến ngày 31/12/2021 là 43,86 ha. Không biến động so với thống kê năm 2020.

c) Đất núi đá không có rừng cây: Đến ngày 31/12/2021 là 5,64 ha, Không biến động so với thống kê năm 2020.

2.2. Đánh giá chung về biến động sử dụng đất

Trong giai đoạn từ 01/01/2021 đến 31/12/2021 trên địa bàn tỉnh việc biến động diện tích các loại đất là do thực hiện đấu giá đất cho nhân dân làm nhà ở và thực hiện các Quyết định chuyển mục đích sử dụng đất, thu hồi đất, cho thuê đất và giao đất để phát triển kinh tế xã hội. Diện tích biến động đất đai hầu hết theo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và không có biến động lớn.

Việc quản lý sử dụng đất đã được quan tâm đúng mức trong việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai, đã đạt những thành tựu trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, có phần đóng góp không nhỏ của việc khai thác sử dụng đất hợp lý, hiệu quả, đi vào nề nếp theo đúng pháp luật và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

3. Tình hình biến động, tranh chấp và giải quyết tranh chấp theo đơn vị hành chính

Tình hình tranh chấp địa giới hành chính không có, địa giới hành chính đã được phân định rõ ràng, hồ sơ địa giới hành chính được lập đầy đủ, đúng quy định qua các thời kỳ. Hầu hết các vị trí còn tồn tại đã được kịp thời giải quyết, điều chỉnh thống nhất trong quá trình triển khai thực hiện dự án theo Quyết định 513/QĐ-TTg ngày 02/5/2012 của Chính phủ về việc hoàn thiện, hiện đại hóa hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính và xây dựng cơ sở dữ liệu về địa giới hành chính, để làm căn cứ thực hiện thống kê đất đai 2021.

4. Tình hình giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện: (Chi tiết như Biểu 05/TKĐĐ)

Tính đến 31/12/2021, trên địa bàn tỉnh không có trường hợp được giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất nhưng chưa thực hiện.

5. Hiện trạng đất đô thị: (Chi tiết như Biểu 11/TKĐĐ)

Tỉnh Nam Định có 22 phường và 16 thị trấn với tổng diện tích 13.496,16 ha chiếm 8,09% tổng diện tích tự nhiên của tỉnh, trong đó:

- Đất nông nghiệp là 6.871,21 ha, chiếm 50,91% tổng diện tích đất đô thị, chủ yếu là diện tích đất trồng cây hàng năm chiếm 82,91% diện tích đất nông nghiệp trong khu đô thị; còn lại là các loại đất nông nghiệp khác.

- Đất phi nông nghiệp trong khu đô thị là 6.463,25 ha, chiếm 47,89% tổng diện tích đất đô thị, diện tích đất ở của các hộ dân với 1.642,79 ha chiếm 25,42% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất chưa sử dụng trong khu đô thị còn 161,70 ha, chiếm 1,20% tổng diện tích đất đô thị.

6. Tình hình thực hiện quy hoạch, kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất trong kỳ kiểm kê đất đai: (Chi tiết như Biểu 15/TKĐĐ)

6.1. Diện tích chuyển đi

Diện tích chuyển đi của các loại đất thực hiện trong năm thống kê là 573,91 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 2.513,16 ha đạt 22,84%, cụ thể:

- Đất nông nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 478,71 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất 2.213,44 ha đạt 21,63%. Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 421,69 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 1.986,33 ha đạt 21,23% (Đất trồng lúa 383,84 ha đạt 21,43%; đất trồng cây hàng năm khác 11,61 ha đạt 13,58%; đất trồng cây lâu năm 26,24 ha đạt 24,00% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 54,79 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 199,98 ha đạt 27,40%.

+ Đất làm muối: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 1,98 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 25,98 ha đạt 7,62 %.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,25 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 1,15 ha đạt 21,74 %

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 85,98 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 284,09 ha đạt 30,27%. Trong đó:

+ Đất ở: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 4,43 ha so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 33,89 ha đạt 13,07% (Đất ở tại nông thôn 4,03 ha, đạt 12,85%; đất ở tại đô thị 0,40 ha, đạt 15,87% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất chuyên dùng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 68,65 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 204,54 ha đạt 33,56% (Đất xây dựng trụ sở cơ quan đạt 0,00%; Đất quốc phòng 0,09 ha đạt 3,57%; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 0,80 ha, đạt 16,26%; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 1,01 ha, đạt 1,46%; Đất có mục đích công cộng 66,75 ha, đạt 52,67% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,18 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 0,09 ha.

+ Đất cơ sở tín ngưỡng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,02 ha so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 0,02 ha đạt 100,00%

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 1,18 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 6,72 ha đạt 17,56%.

+ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 0,03 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 0,79 ha đạt 3,80%.

+ Đất có mặt nước chuyên dùng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 9,59 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 33,46 ha đạt 28,66%.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê 1,90 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 4,58 ha đạt 41,48%.

- Đất chưa sử dụng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 9,22 ha, so với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 15,63 ha đạt 58,99 %. Trong đó:

+ Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích chuyển đi trong năm thống kê là 9,22 ha, với diện tích chuyển đi theo kế hoạch sử dụng đất là 15,63 ha đạt 58,99 %.

6.2. Diện tích chuyển đến

Diện tích chuyển đến của các loại đất thực hiện trong năm thống kê là 573,91 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất là 2.513,16 ha đạt 22,84%, cụ thể:

- Đất nông nghiệp: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 3,61 ha, so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 310,16 ha đạt 1,16%. Trong đó:

+ Đất sản xuất nông nghiệp: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 3,61 ha, so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 5,53 ha đạt 65,28%. (Đất trồng lúa 0,00%; đất trồng cây hàng năm khác phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 0,03 ha, đất trồng cây lâu năm 3,58 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 0,57 ha).

+ Đất nuôi trồng thủy sản: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 147,44 ha đạt 0,00%.

+ Đất nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 157,19 ha đạt 0,00%.

- Đất phi nông nghiệp: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 372,51 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 2.203,00 ha đạt 16,91%. Trong đó:

+ Đất ở: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 54,85 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 561,98 ha đạt 9,76% (Đất ở tại nông thôn 46,69 ha, đạt 10,12%; đất ở tại đô thị 5,16 ha, đạt 7,27% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất chuyên dùng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 316,40 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 1.620,80 ha đạt 19,52%. (Đất xây dựng trụ sở cơ quan 2,19 đạt 44,42%; Đất quốc phòng đạt 0,00%; Đất an ninh đạt 0,00%; Đất xây dựng công trình sự nghiệp 3,47 ha, đạt 6,36%; Đất sản xuất kinh doanh phi nông nghiệp 275,62 ha, đạt 32,31%; Đất có mục đích công cộng 35,12 ha, đạt 4,99% so với kế hoạch sử dụng đất).

+ Đất cơ sở tôn giáo: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,33 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 2,00 ha đạt 16,50%.

+ Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, NHT: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,00 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 12,32 ha đạt 0,00%.

+ Đất phi nông nghiệp khác: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 0,93 ha so với diện tích chuyển đến theo kế hoạch sử dụng đất 5,90 ha đạt 15,76%.

- Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 197,79 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 197,79 ha.

+ Đất bằng chưa sử dụng: Diện tích chuyển đến trong năm thống kê là 197,79 ha phát sinh ngoài kế hoạch sử dụng đất là 197,79 ha.

7. Đánh giá chung hiện trạng sử dụng đất

Trong những năm qua, Tỉnh ủy, UBND tỉnh đã quan tâm đúng mức trong việc tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai. Những thành tựu mà tỉnh đã đạt được trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội có phần đóng góp không nhỏ của việc khai thác sử dụng đất hợp lý, hiệu quả. Tuy nhiên còn tồn tại:

- Trong cơ cấu đất nông nghiệp thì diện tích đất trồng lúa nước chiếm tỷ lệ cao. Song quá trình canh tác phần lớn người nông dân chưa áp dụng những biện pháp cải tạo đất mà chỉ quan tâm đến lợi nhuận, việc hình thành các mô hình phát triển vùng chuyên canh, các cánh đồng mẫu lớn... chưa thực sự phát triển mạnh.

- Đất ở và đất dành cho phát triển hạ tầng tuy đã phần nào đáp ứng được nhu cầu sử dụng thời điểm hiện tại. Trong thời gian tới cùng với sự gia tăng dân số, việc phát triển kinh tế - xã hội theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa cần được nâng cấp, cải tạo, kiên cố hóa một số hạng mục công trình.

Thực hiện Luật Đất đai năm 2013 và Nghị quyết 17, Kết luận số 43 của Ban chấp hành Đảng bộ tỉnh với sự lãnh đạo quyết liệt, thực hiện đồng bộ các giải pháp của cấp Ủy, cấp chính quyền, công tác quản lý nhà nước về đất đai trên địa bàn tỉnh có nhiều chuyển biến tích cực, rõ nét, kịp thời. Nhìn chung, các văn bản quy phạm đã ban hành kịp thời và phù hợp với tình hình thực tế, góp phần quan trọng đưa Luật Đất đai đi vào cuộc sống, tạo ra hành lang pháp lý cho việc giải quyết các vấn đề có liên quan đến việc sử dụng đất trên địa bàn, ngăn chặn kịp thời các vi phạm xảy ra trong công tác quản lý sử dụng đất. Đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích theo quy định của pháp luật hiện hành.

IV. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

1. Kết luận

Hệ thống số liệu thống kê đất đai năm 2021 của tỉnh Nam Định đảm bảo chính xác, phản ánh đúng hiện trạng sử dụng đất do công tác thu thập, chuẩn bị tài liệu được khá đầy đủ kết hợp với điều tra, rà soát thực địa cùng với việc thực hiện các hướng dẫn, quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành chặt chẽ, có sự hướng dẫn, đôn đốc thường xuyên, sự phối hợp chặt chẽ giữa Ban Chỉ đạo thống kê cấp tỉnh, huyện với các cấp với các ban, ngành liên quan;

Công tác thống kê đất đai năm 2021 trên địa bàn tỉnh Nam Định đã hoàn thành đảm bảo chất lượng, đã xác định rõ hiện trạng diện tích tự nhiên theo địa giới hành chính, quỹ đất đang sử dụng và quản lý, quỹ đất đã có quyết định nhưng chưa thực hiện, quỹ đất chưa sử dụng; đánh giá đúng thực trạng tình hình quản lý, sử dụng đất, phân tích rõ tình hình biến động đất đai năm qua, tình hình thực hiện quy hoạch, kế

hoạch sử dụng đất đã được xét duyệt; tình hình thực hiện đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính.

Tuy nhiên, vẫn còn một số những tồn tại, vướng mắc như:

- Công tác lưu trữ còn hạn chế, chưa thực sự đầy đủ, trang thiết bị chưa được đầu tư trang thiết bị đầy đủ dẫn đến việc thu thập, chuẩn bị tài liệu cho công tác kiểm kê chậm, số liệu phải chỉnh sửa nhiều lần.

- Công tác cập nhật, chỉnh lý hồ sơ địa chính chưa được các cấp quan tâm, đầu tư nên hồ sơ địa chính, bản đồ địa chính vừa mới được đo đạc đã nhanh chóng bị lạc hậu do sự đô thị hoá, công nghiệp hoá nhanh.

2. Kiến nghị

- Hướng dẫn rà soát, đánh giá, giải quyết về đất nông nghiệp xen kẹt, liền kề trong khu dân cư, không canh tác được và các vùng đất trồng lúa kém hiệu quả đề nghị chuyển đổi sang mô hình canh tác khác theo Nghị định 62/2019/NĐ-CP và Nghị định 35/2015/NĐ-CP của Chính phủ về quản lý, sử dụng đất trồng lúa.

- Hỗ trợ kinh phí cho địa phương để triển khai đo đạc lại 69 xã, thị trấn còn sử dụng bản đồ đo đạc thủ công từ trước năm 1980 chỉnh lý năm 1981-1983 và đo đạc năm 1983 chỉnh lý năm 1987. Đảm bảo trên địa bàn toàn tỉnh sử dụng bản đồ địa chính đo đạc chính quy trong quản lý đất đai, công tác cập nhật hồ sơ địa chính gắn liền với việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, lập hồ sơ địa chính theo bản đồ mới đo đạc, tránh tình trạng bị lạc hậu.

- Triển khai dự án xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai VILG-CSDL để đưa vào sử dụng, quản lý vận hành ổn định, khai thác có hiệu quả và cập nhật chỉnh lý thường xuyên.

- Tiếp tục đầu tư kinh phí cho việc đầu tư mua sắm trang thiết bị, trụ sở làm việc cho ngành Tài nguyên và Môi trường để đáp ứng ngày càng tốt hơn việc quản lý Nhà nước về đất đai nói riêng và tài nguyên môi trường nói chung trên địa bàn tỉnh.

UBND tỉnh trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Đ/c Chủ tịch UBND tỉnh (để báo cáo);
- Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Nội Vụ, Sở Nông nghiệp & PTNT, Cục Thống kê tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VP1, VP3.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Trần Anh Dũng